

**BỘ Y TẾ
BỆNH VIỆN K**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số *2922* /BVK-KD
V/v đề nghị báo giá sinh
phẩm chẩn đoán in-vitro, hóa
chất và vật tư y tế

Hà Nội, ngày *19* tháng 11 năm 2021

Kính gửi: Các đơn vị kinh doanh
sinh phẩm chẩn đoán in-vitro, hóa chất và vật tư y tế.

Bệnh viện K trân trọng cảm ơn các đơn vị đã hợp tác với Bệnh viện trong thời gian qua.

Bệnh viện K đang trong quá trình xây dựng kế hoạch mua sắm sinh phẩm chẩn đoán in-vitro, hóa chất thuộc kế hoạch mua sắm lần 11 năm 2021. Bệnh viện K kính mời các đơn vị quan tâm, có khả năng cung cấp sinh phẩm chẩn đoán in-vitro, hóa chất (theo danh mục chi tiết tại Phụ lục 1) gửi Báo giá về Bệnh viện K để Bệnh viện có cơ sở tổng hợp, lập kế hoạch mua sắm.

Báo giá của Quý đơn vị theo Mẫu báo giá tại Phụ lục 2 đính kèm Công văn này đề nghị gửi về Bệnh viện K (địa chỉ: Số 30, Cầu Bươu, Tân Triều, Thanh Trì, Hà Nội) và gửi file excel của báo giá theo địa chỉ email: dauthaukdbvk@gmail.com. Công ty vui lòng để tài liệu trong túi clear bag, mặt ngoài ghi người nhận: "Khoa Dược - Bệnh viện K (DS Nguyễn Thị Hằng, số điện thoại 0374 665 939)", dán kín băng dính để Bệnh viện khử khuẩn theo quy định phòng chống dịch. Thời gian nhận tài liệu từ 08h00 đến 17h00 hàng ngày và trước 17h ngày *23/11/2021*.

Thông tin chi tiết vui lòng liên hệ: DS. Nguyễn Thị Hằng, Khoa Dược Bệnh viện K (điện thoại: 0374 665 939).

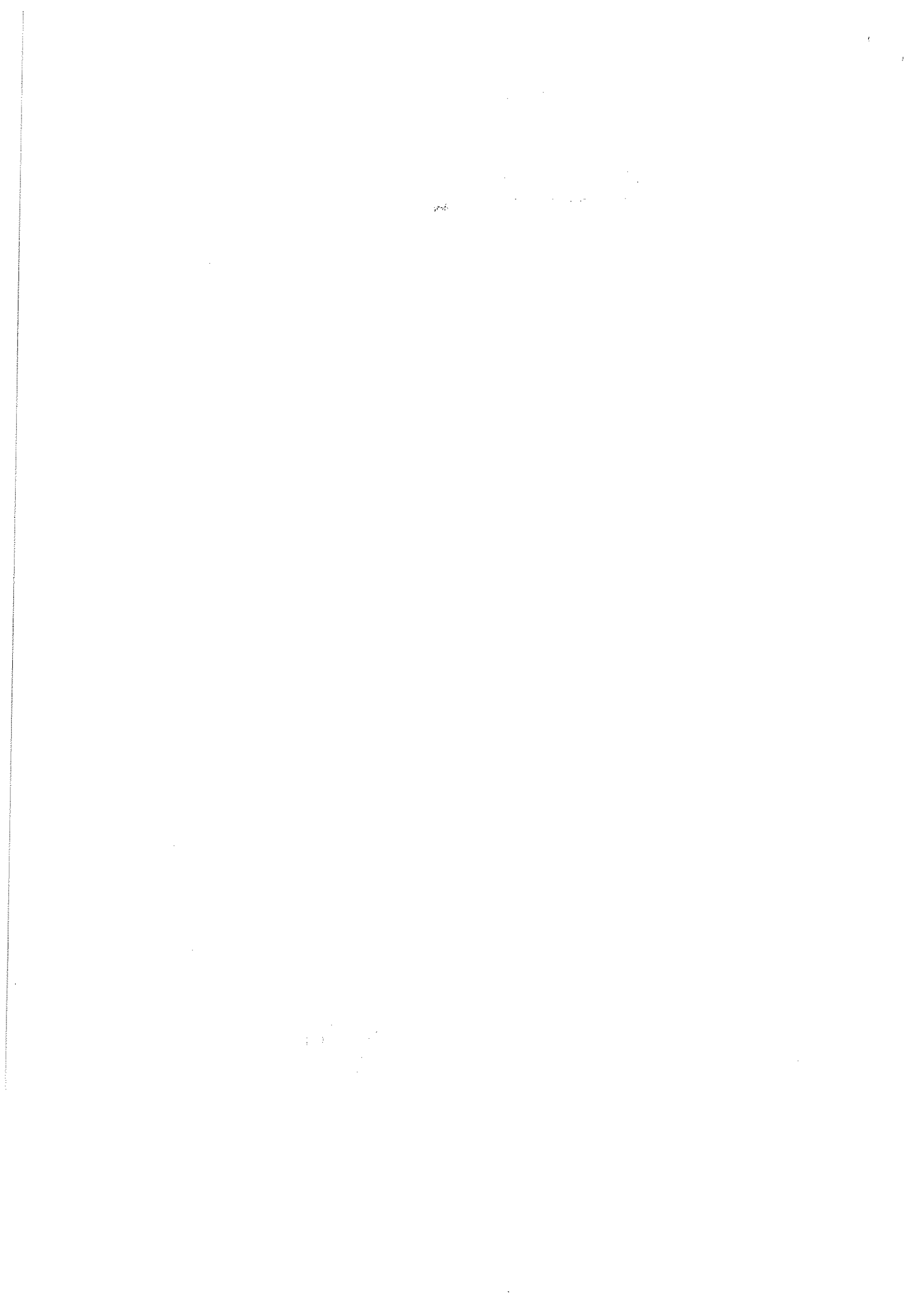
Trân trọng cảm ơn.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Công TTĐT Bệnh viện K;
- CT HĐQT;
- Lưu: VT, KD (ĐP).

GIÁM ĐỐC *Quang*

Lê Văn Quang



PHỤ LỤC 1

(Kèm theo Công văn số 2922/BVK-KD ngày 19/11/2021 của Bệnh viện K)

STT	Tên SPCĐ, vật tư, hóa chất	Thông số kỹ thuật hoặc thành phần	Đơn vị tính	Số lượng kế hoạch
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
I: Danh mục mặt hàng sinh phẩm chẩn đoán in-vitro, hóa chất tương thích hệ thống xét nghiệm sinh hóa tự động bằng kỹ thuật đo quang, đo độ đục, động học enzym...				
1	Dung dịch pha loãng mẫu, sử dụng cho các xét nghiệm: SCC, Total PSA, Cyfra 21-1, CEA, CA 19-9, CA125 II, CA72-4, AFP, hGH, Cortisol..	Thành phần: 3 chai tổng thể tích 36ml Hỗn hợp protein; chất bảo quản	Chai	30
2	Dung dịch hệ thống dùng để phát tín hiệu điện hóa cho máy phân tích xét nghiệm miễn dịch	Thành phần: 2 chai (mỗi chai 2L) dung dịch đệm bao gồm: Đệm phosphate 300 mmol/L; tripropylamine 180 mmol/L; chất tẩy ≤ 0.1 %; pH 6.8.	Hộp	70
3	Bộ định lượng acid uric	Thành phần cho 1000 test: R1: Đệm phosphate: 0.05 mol/L, pH 7.8; TOOS: 7 mmol/L; fatty alcohol polyglycol ether: 4.8 %; ascorbate oxidase (EC 1.10.3.3; bí dài) ≥ 83.5 μkat/L (25 °C); chất ổn định; chất bảo quản R3: Đệm phosphate: 0.1 mol/L, pH 7.8; kali hexacyanoferrate (II): 0.3 mmol/L; 4-aminophenazone ≥ 3 mmol/L; uricase (EC 1.7.3.3; Arthrobacter protophormiae) ≥ 83.4 μkat/L(25 °C); peroxidase (POD) (EC 1.11.1.7; củ cải) ≥ 50 μkat/L(25 °C); chất ổn định; chất bảo quản.	Hộp	20
4	Bộ định lượng Bilirubin toàn phần	Thành phần cho 600 test: R1: Phosphate: 50 mmol/L; chất tẩy; chất ổn định; pH 1.0 R3: (STAT R2) Muối 3,5-dichlorophenyl diazonium: ≥ 1.35 mmol/L.	Hộp	20
5	Bộ định lượng bilirubin trực tiếp	Thành phần cho 500 test: R1: Acid phosphoric: 85 mmol/L; HEDTA: 4.0 mmol/L; NaCl 50 mmol/L; chất tẩy; pH 1.9 R2: 3,5 Dichlorophenyl diazonium: 1.5 mmol/L; pH 1.3.	Hộp	20
6	Bộ định lượng Creatinin	Thành phần cho 600 test: R1: Đệm TAPS (N-Tris(hydroxymethyl)methyl-3-aminopropanesulfonic acid): 30 mmol/L, pH 8.1; creatinase (vi sinh): ≥ 332 μkat/L; sarcosine oxidase (vi sinh): ≥ 132 μkat/L; ascorbate oxidase (vi sinh): ≥ 33 μkat/L; catalase (vi sinh): ≥ 1.67 μkat/L; HTIB: 1.2 g/L; chất tẩy; chất bảo quản R3: Đệm TAPS: 50 mmol/L, pH 8.0; creatininase (vi sinh): ≥ 498 μkat/L; peroxidase (củ cải): ≥ 16.6 μkat/L; 4-aminophenazone: 0.5 g/L; kali hexacyanoferrate (II): 60 mg/L; chất tẩy; chất bảo quản.	Hộp	100

STT	Tên SPCĐ, vật tư, hóa chất	Thông số kỹ thuật hoặc thành phần	Đơn vị tính	Số lượng kế hoạch
7	Bộ định lượng Glucose	Thành phần cho 2200 test: R1: Đệm MES: 5.0 mmol/L, pH 6.0; Mg ²⁺ : 24 mmol/L; ATP: ≥ 4.5 mmol/L; NADP: ≥ 7.0 mmol/L; chất bảo quản R3: Đệm HEPES: 200 mmol/L, pH 8.0; Mg ²⁺ : 4 mmol/L; HK (nấm men): ≥ 300 μkat/L; G-6-PDH (E.coli): ≥ 300 μkat/L; chất bảo quản.	Hộp	20
8	Bộ định lượng Cholesterol	Thành phần cho 2100 test: Đệm PIPES: 225 mmol/L, pH 6.8; Mg ²⁺ : 10 mmol/L; natri cholate: 0.6 mmol/L; 4-aminophenazone: ≥ 0.45 mmol/L; phenol: ≥ 12.6 mmol/L; fatty alcohol polyglycol ether: 3 %; cholesterol esterase (Pseudomonas spec.): ≥ 25 μkat/L (≥ 1.5 U/mL); cholesterol oxidase (E. coli): ≥ 7.5 μkat/L (≥ 0.45 U/mL); peroxidase (củ cải): ≥ 12.5 μkat/L (≥ 0.75 U/mL); chất ổn định; chất bảo quản.	Hộp	8
9	Bộ định lượng Triglyceride	Thành phần cho 800 test: Đệm PIPES: 50 mmol/L, pH 6.8; Mg ²⁺ : 40 mmol/L; natri cholate: 0.20 mmol/L; ATP: ≥ 1.4 mmol/L; 4-aminophenazone: ≥ 0.13 mmol/L; 4-chlorophenol: 4.7 mmol/L; lipoprotein lipase (chủng Pseudomonas); ≥ 83 μkat/L; glycerol kinase (Bacillus stearothermophilus): ≥ 3 μkat/L; glycerol phosphate oxidase (E. coli): ≥ 41 μkat/L; peroxidase (củ cải): ≥ 1.6 μkat/L; chất bảo quản, chất ổn định.	Hộp	25
10	Bộ định lượng Ure	Thành phần cho 1900 test: R1: NaCl 9 % R3: Đệm TRIS: 220 mmol/L, pH 8.6; 2-oxoglutarate: 73 mmol/L; NADH: 2.5 mmol/L; ADP: 6.5 mmol/L; urease (đậu): ≥ 300 μkat/L; GLDH (gân bò): ≥ 80 μkat/L; chất bảo quản; chất ổn định không phản ứng	Hộp	20
II: Danh mục mặt hàng sinh phẩm y tế xét nghiệm nhanh kháng nguyên vi rút SARS-CoV-2				
1	Sinh phẩm xét nghiệm nhanh kháng nguyên vi rút SARS-CoV-2	- Vạch thử: Kháng thể đơn dòng kháng SARS-CoV-2 - Vạch chứng: Kháng thể đơn dòng kháng Globulin miễn dịch (IgG) - Có bao gồm que lấy mẫu - Đáp ứng theo yêu cầu tại Hướng dẫn sử dụng sinh phẩm xét nghiệm nhanh kháng nguyên vi rút SARS-CoV-2 ban hành kèm Quyết định số 2022/QĐ-BYT ngày 28/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế và Công văn số 4660/BYT-DP ngày 11/6/2021 của Bộ Y tế điều chỉnh một số nội dung tại Quyết định số 2022/QĐ-BYT	Test	36.000

Chức

Phụ lục 2. MẪU BÁO GIÁ

(Gửi kèm Công văn số 2922/ĐH-BV/KD ngày 19 tháng 11 năm 2021 của Bệnh viện K)
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tên đơn vị:.....
Mã số thuế:
Địa chỉ:
Người đại diện/liên hệ:
SĐT liên hệ:

....., ngày tháng năm

Kính gửi: Bệnh viện K

Chúng tôi xin gửi tới Quý Bệnh viện bản chào giá các mặt hàng như sau:

STT	Tên mặt hàng, kích cỡ, hàm lượng	Thông số kỹ thuật hoặc thành phần	Phân nhóm	Tên thương mại	Mã, code hàng hóa(REF)	Số đăng ký/ Số công bố/ Số Giấy phép nhập khẩu	Nhà sản xuất	Nước sản xuất	Hãng/ Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Phân loại	Số lượng	Đơn giá (đã có VAT, VNĐ)	Thành tiền	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
1																
2																
...																

Giám đốc đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

Báo giá trên có hiệu lực đến ngày...tháng.....năm.....(*)

Chúng tôi cam kết các thông tin nêu trên là hoàn toàn chính xác và cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin đã cung cấp cho Bệnh viện.

Ghi chú:

- Các cột (1), (14): ghi chính xác theo phụ lục 1 đính kèm Công văn.
- Cột (3): Đơn vị có thể đề xuất mặt hàng có thông số kỹ thuật đảm bảo sự tương đương cơ bản hoặc cao hơn mặt hàng mời báo giá theo phụ lục 1 và phụ lục 2 đính kèm Công văn.
- Cột (4): Đơn vị chịu trách nhiệm về các tài liệu làm căn cứ phân nhóm trang thiết bị y tế theo quy định tại Thông tư số 14/2020/TT-BYT ngày 10/7/2020 của Bộ Y tế. Hàng hóa không thuộc quy định tại Thông tư số 14/2020/TT-BYT ngày 10/7/2020 của Bộ Y tế, ghi rõ không áp dụng (KAD).

- Cột (13): Sản phẩm là trang thiết bị y tế phân loại theo mức độ rủi ro: A, B, C, D. Các sản phẩm không phải là trang thiết bị y tế ghi rõ: Phụ kiện sử dụng cùng trang thiết bị y tế (PK), Khí y tế, sản phẩm dùng trong y tế mới mục đích nghiên cứu (Research Use Only - RUO), sản phẩm dùng chung phòng thí nghiệm (Laboratory Use Only - LUIO). Các hóa chất căn cứ phân loại theo Quy định của Pháp luật hiện hành.

- Cột (15): Giá đã bao gồm thuế VAT, phí vận chuyển và các loại phí, lệ phí khác.

* Báo giá có hiệu lực tới thiếu 06 tháng kể từ ngày ký báo giá.

Chữ L

Chữ L